

**TÒA ÁN NHA DÀ
HUYỆN GD
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2019

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHA DÀ HUYỆN GD, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tâm

Các Hội thẩm nhA dA:

1. Ông Đỗ Trường Tam

2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần XuA Sơn - Thư ký Tòa án nhA dA huyện GD, tỉnh TN.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhA dA huyện GD, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 912/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Thu T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 363, ấp BC, xã TM, huyện ĐH, tỉnh LA;

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Minh T1, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 02, ấp 4, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN;

Chị T và anh T1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, chị Võ Thị Thu T trình bày: Chị và anh Trịnh Minh T1 chung sống từ năm 2017, tháng 6-2018 có tổ chức lễ cưới, hôn nhA tự nguyện có qua tìm hiểu trước, đến tháng 7-2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhA dA xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN, sau khi cưới vợ chồng sống chung bên gia đình cha mẹ ruột anh T1 tại ấp 4, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN. Nguyên nhA phát sinh mâu thuẫn do từ lúc chị sinh con mổ, vết thương bị nhiễm trùng nên thường xuyên phải điều trị nhưng anh T1 không quan tâm chăm sóc chị, ngày 07-11-2018 chị có xin cha mẹ chồng về sống chung bên gia đình cha mẹ ruột chị tại ấp BC, xã TM, huyện ĐH, tỉnh LA

để điều trị vết thương, trong thời gian điều trị anh T1 không đến thăm chị, sau đó chị và mẹ chị có đến nhà cha mẹ anh T1 thăm con nhưng cha mẹ anh T1 không cho, nên hai bên gia đình có gây gổ nhau, từ đó vợ chồng sống ly thA đến nay, tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung Trịnh Võ Thiên A, sinh ngày 05-11-2018, hiện đang sống chung với anh T1. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Nghề nghiệp hiện nay chị làm công nhân thu nhập trung bình mỗi tháng 6.000.000 đồng, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng.

Bị đơn, anh Trịnh Minh T1 trình bày: Về hôn nhân như chị T trình bày là đúng, nhưng mâu thuẫn vợ chồng chị T trình bày là không đúng, lúc sinh mổ vết thương bị nhiễm trùng, anh có chở chị T đi điều trị một lần và ba lần rửa vết thương, sau đó cả hai có gây gổ nhau trong việc làm giấy khai sinh cho con, nên anh không tiếp tục chở chị T đi điều trị vết thương nữa, từ lúc chị T về bên gia đình cha mẹ ruột sống anh chỉ có điện thoại hỏi thăm chị chứ không có đến thăm. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Có một con chung như chị T trình bày là. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Nghề nghiệp hiện nay anh làm thợ hồ thu nhập trung bình mỗi tháng 7.000.000 đồng, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhA: Tại phiên tòa, chị Võ Thị Thu T và anh Trịnh Minh T1 thuận tình ly hôn. Nên Hội đồng xét xử công nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhA và gia đình.

[2] Về con chung: Chị T và anh T1 cả hai đều yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nhưng hiện nay cháu Trịnh Võ Thiên A, sinh ngày 05-11-2018 dưới 36 tháng tuổi. Nên Hội đồng xét xử cần giao cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhA và gia đình. Nghề nghiệp của chị T hiện nay làm công nhA thu nhập trung bình mỗi tháng 6.000.000 đồng đủ điều kiện nuôi con.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhA và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dA sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Thu T và anh Trịnh Minh T1.

Về con chung: Giao chị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Võ Thiên A, sinh ngày 05-11-2018.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008547 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD, được khấu trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CCTHADS huyện GD;
- UBND xã BĐ, Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGUYỄN VĂN TÂM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CCTHADS huyện GD;
- UBND xã Cẩm Giang, Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tâm